

LƯU ANH RÔ

## CAO SƠN – PHÚ THƯỢNG BIẾT BAO NHIÊU CHÈ

Nói đến làng Phú Thượng thuộc xã Hoà Sơn, huyện Hoà Vang hiện nay, ai cũng đều biết đó là một làng công giáo toàn tòng song ít ai biết, nơi đó đã từng nổi danh với thương hiệu “chè Phú Thượng” dưới thời Pháp thuộc. Đúng như câu ca dao xưa phản ánh:

*Bạc vàng ở tại Bông Miêu*

*Cao Sơn, Phú Thượng biết bao nhiêu chè!*

Bài viết này chỉ xin giới thiệu đôi nét về “chè Phú Thượng” - một thương phẩm một thời vang bóng.

Phú Thượng là làng lớn nhất trong số 10 làng của xã Hoà Sơn, huyện Hoà Vang hiện nay. Phú Thượng là một vùng đất bán sơn địa, là một thung lũng nhỏ, có diện tích khoảng 2km<sup>2</sup>. Theo nhiều gia phả cũng như hồi cố của dân địa phương, thì hầu hết các tộc họ có mặt tại Phú Thượng hiện nay, đều có nguồn gốc từ Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ di cư vào. Làng được hình thành vào khoảng thế kỷ 16. Xưa kia, vùng đất thuộc làng Phú Thượng hiện nay có tên là Phường Trạc. Về mặt kinh tế, cư dân Phú Thượng xưa ngoài việc trồng lúa, ngô, khoai sắn,

còn chủ yếu là trồng chè, nhất là “từ ngày Tây lại Cửa Hàn”, để cung cấp cho toàn Trung kỳ và xuất khẩu sang Châu Âu.

Người ta nói rằng, cùng với Hội Yên, nay thuộc xã Hoà Bắc (dân gian thường gọi là “Hội An trên”, để phân biệt với “Hội An dưới” – tức thương cảng Hội An) thì Phú Thượng là một trong những nơi các giáo sĩ phương Tây đặt chân đến sớm nhất tại Đà Nẵng, trong sứ mạng “gieo giống phúc âm” của mình. Nhiều tài liệu cho thấy, do Phú Thượng, Hội Yên nằm trên con đường “Hải Vân thượng đạo” nơi ngắn nhất để ra kinh đô Huế, nên các giáo sĩ phương Tây có mặt tại đây từ rất sớm là điều dễ hiểu. Hơn nữa, dưới thời các chúa Nguyễn, việc cấm đạo có khi rất gay gắt nên nhiều “Tây dương đạo trưởng” đã trốn tại vùng này để truyền đạo. Trong tác phẩm “Việt Nam giáo sử” của Phan Phát Huồn, có dẫn sử liệu của giáo sĩ Hainques gửi về Hội thừa sai Paris cho thấy lý giải trên là hữu lý: “Ngày 26.3.1670, thể theo lời mời của giáo dân Bàu Nghè (tức làng An Ngãi bây giờ), cha đến ở với họ 4 tháng, rửa tội thêm được 500 người ở Phường Trạc (tức tên gọi cũ của Phú Thượng)”. Tiếp đó, giáo sĩ thừa sai Guyart, quản xứ Bàu Nghè cho biết: “Năm 1673, toàn vùng này có 8.000 giáo dân với 4 nhà thờ. Tháng 12 năm 1674, cha Courtaulin trình Đức cha Lambert de la Motte: Bàu nghè có 150 giáo dân, Phường Trạc có 200, Kê Rãm (tức vùng Hội Yên - Khe Rãm thuộc xã Hoà Bắc, huyện Hoà Vang hiện nay - Tg) có 400”.

Muốn khảo sát thương hiệu chè Phú Thượng thì không thể không nói đến vai trò các cha cô tại đây, nhất là “Cô Thiên” (tức Maillard) - một “tu sĩ lính chiến”, có nhiều “duyên nợ” với phong trào Nghĩa hội Quảng Nam tại vùng tây bắc Hoà Vang này. Chính Cô Thiên đã có công trong việc xây dựng

nhà thờ Phú Thượng như ta thấy hiện nay (xây dựng từ năm 1887 đến năm 1897). Đây cũng là nhà thờ cổ nhất của Đà Nẵng, còn giữ được phong cách kiến trúc gô-tích của Pháp thường thấy thịnh hành vào nửa cuối thế kỷ XIX. Đối diện nhà thờ này là hai dòng tu: dòng "Mến Thánh Giá" do linh mục Lambert de la Motte sáng lập và được Cố Thiên thành lập ở Phú Thượng vào năm 1890 và dòng "Mến Thánh Giá" của người Pháp thành lập sau này (vào năm 1956).

Ngay sau khi Pháp quay lại Cửa Hàn, những tay tư sản Pháp, phối hợp với các cố đạo lính chiến người Pháp đã tiến hành mua, cướp đất để của nhân dân khắp Quảng Nam, Đà Nẵng để lập đồn điền. Tại Hoà Vang, nhất là các vùng Nghi An, Tùng Sơn, An Ngãi, Phú Thượng, Cao Sơn... đều lần lượt rơi vào tay của Pháp, đất đai ở đây rất phù hợp với điều kiện sinh trưởng của cây chè. Từ khi có mặt tại Phú Thượng vào năm 1884, Cố Thiên đã tiến hành mua 250 hécta đất để mở trang trại trồng chè và cà phê, ông ta đã sức dân địa phương (nhất là đồng bào công giáo vùng tây bắc Hoà Vang) khai khẩn mở rộng đất đai lập đồn điền, cũng như làm thuỷ lợi để lấy nước tưới. Ngoài ra, Cố Thiên còn cho khai mở con khe chạy quanh địa phận nhà thờ Phú Thượng (dân địa phương gọi là "khe Cha"), đưa nước về tưới cho đồng ruộng vùng này. Cố Thiên cũng đã không ngần ngại tốn kém làm một chuyến du lịch sang Trung Quốc, để học cách chế biến chè. Nhờ có sự hợp tác chặt chẽ của giám đốc kỹ thuật "Công ty chè An Nam" là Lombard, sự hậu thuẫn mạnh mẽ của Le Roy - chủ của Sở chè Trung kỳ, người có quan hệ rất khắng khít với các tư sản Pháp chính quốc và các cha cố trồng chè tại vùng tây bắc Hoà Vang, trong một thời gian ngắn, Cố Thiên đã lần lượt biến các

dãy đồi bát úp tại tây bắc Hoà Vang thành những trang trại chè bát ngát.

Từ Phú Thượng, các chủ công ty chè Trung kỳ và Đà Nẵng bắt đầu tiến dần về phía Tây thuộc Phước Đông, Phú Trung, Cao Sơn (dưới chân núi Bà Nà) của xã Hoà Ninh hiện nay, để mua đất trồng chè, mở đồn điền chè Ròni, lập kho chè tại Sơn Phước (nên con đường đi qua đây có một chiếc cống, dân địa phương liền đặt là Cống Kho). Đọc những ghi chép của những “quan Tây” về Phú Thượng hay của những du khách đi nghỉ dưỡng Bà Nà hồi đầu thế kỷ 20, mới thấy được tầm vóc của các trang trại chè tại tây bắc Hoà Vang. Từ Phú Thượng lên Cao Sơn, những nương chè xanh ngút ngàn, trải dài trong các thung lũng, nghiêng trên các sườn đồi, triền đồi. Hàng trăm người phu chè cần mẫn cắt, tỉa lấy ngọn, lấy lá chè thấp thoáng khắp sườn non... Do vậy, Phú Thượng đã biến thành một đồn điền trồng chè khổng lồ của Đà Nẵng, với ba nhà máy lớn ở An Ngãi (Bàu Nghè), Tùng Sơn (nay gần nghĩa trang Tùng Sơn) và Phú Thượng (nay thuộc khu vực vườn nhà ông Lê Văn Lộc). Chè được trồng trong các đồi núi: Hồ Chay, Hồ Rừng, Hồ Chuối, Hồ Gáo... Ngoài ra, chè còn được trồng và chế biến thủ công từ các vườn nhà dân, các lò xào chè thủ công của cư dân vùng tây bắc Hoà Vang mọc lên khắp nơi, để phục vụ cho xuất khẩu. Tuy chè được trồng khắp tây bắc Hoà Vang, tại rất nhiều làng khác nhau song sản phẩm làm ra vẫn lấy thương hiệu là “chè Phú Thượng”!

Cùng với sự lớn mạnh của xứ đạo Phú Thượng và các xứ đạo xung quanh, Cố Thiên đã tiến hành tách làng Phú Thượng ra làm hai làng là: Phú Thượng thôn và Phú Thượng xã. Như vậy Phú Thượng thôn đã trở thành làng Thiên Chúa giáo "toàn

tông" với diện tích chỉ bằng 2/3 diện tích của Phú thượng xưa; còn Phú Thượng xã chỉ có 1/3 về diện tích so với trước. Quá trình chia cắt địa giới này diễn ra hết sức phức tạp. Theo lời các cụ cao niên trong vùng thì đất đai Cổ Thiên có được đều bằng hình thức cho, chia đất thừa kế, nhưng chủ yếu vẫn là mua bán đất. Tính đến năm Khải Định năm thứ 5 (1922) dưới thời lý trưởng Trần Cửu và phó lý Nguyễn Quyền, qua một số văn tự cầm cố và bán đất của cư dân Phú Thượng xã với dân Phú Thượng thôn cho thấy đất Phú Thượng thôn đã rộng hơn Phú Thượng xã<sup>1</sup>. Cho đến nay, không ai biết được thời điểm tách làng Phú Thượng làm hai làng, không thấy có bất kỳ văn bản nào của chính phủ Nam triều nói về việc này song có thể căn cứ vào thời điểm Cổ Thiên (Maillard) đến tiếp quản Phú Thượng cho đến năm khánh thành nhà thờ Phú Thượng (1897), là thời gian làng này được tách và có lẽ đây là ý chí cá nhân của ông ta. Bởi, nhà thờ không chỉ xây dựng nên nhằm phục vụ đời sống tinh thần của nhân dân, mà ý đồ của Cổ Thiên còn là cứ điểm quân sự, trong tình thế phong trào Nghĩa hội Quảng Nam đang gia tăng hoạt động mạnh tại vùng tây bắc Hoà Vang lúc bấy giờ<sup>2</sup>. Hơn nữa, nhà thờ Phú Thượng là trung tâm văn hoá của một giáo xứ, là bộ mặt để nhận biết giữa làng này với làng khác và cũng là điểm để phân biệt giữa làng lương với làng giáo theo cách nghĩ lúc bấy giờ. Căn cứ vào mốc giới “bất thành văn” trong nhân dân thì, địa phận Phú Thượng (thôn) thuộc phần đất phía Bắc của làng Phú Thượng

---

<sup>1</sup> "Thôn" và "xã" ở đây chỉ có tính tượng trưng, nhằm phân biệt trong dân gian mà thôi.

<sup>2</sup> Xin xem thêm cuốn “Phong trào Nghĩa hội Quảng Nam” của Nguyễn Sinh Duy, sđd.

xưa; Phú Thượng xã là phần đất phía Nam của làng Phú Thượng xưa (nghĩa là tương đương với diện tích của xóm 2, thôn Xuân Phú ngày nay). Tại Phú Thượng, sau khi tách làng thì kinh tế chính của hai làng cũng vẫn là trồng và sơ chế chè là chủ yếu. Từ khoảng 1901 – 1904, trong các văn bản về thu hoạch chè của Pháp ở Phú Thượng xã có nói tới lý trưởng Nguyễn Tạo và hương mục Nguyễn Hữu, hai người này vừa chịu trách nhiệm hành chính cũng là người thu mua các đầu mối chè của địa phương. Điều này chứng tỏ, bộ máy chính quyền của Phú Thượng xã có mối liên hệ chặt chẽ với Cố Thiên cũng như chính quyền Pháp trong việc thu mua, cung ứng chè.

Trở lại với thương hiệu “chè Phú Thượng”. Cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20, các sản phẩm của xứ nhiệt đới tại Việt Nam như: chè, cà phê, cao su, hồ tiêu... rất được dân chính quốc Pháp và Châu Âu ưa chuộng. Nhằm bắt nhu cầu đó, các tay tư sản Pháp – thực chất là những tên địa chủ mang đậm sắc thái Châu Âu tại Đà Nẵng đã ra sức cướp đất lập đồn điền, trồng chè và cà phê. Sự kiện giành đất tại xóm đình Nghi An (thuộc xã Hoà Phát) giữa dân làng này với tên “Tây kho bạc”, Garavel và sự bành trướng về thế lực của Cố Thiên ở tây bắc Hoà Vang phản ánh rõ nét ý đồ chung đó. Trong một số văn tự chứng nhận bán đất trồng chè (viết bằng tiếng Pháp từ 1901 đến 1904) của Hội Chè An Nam cho các ông chủ người Pháp, có mô tả những đồi chè của nhân dân Phú Thượng thôn và Phú Thượng xã và nguồn gốc “chuyển nhượng” đất đai cho Pháp. Trong các văn bản liên quan đến Công ty Chè An Nam, tại Đà Nẵng, ông Lombard đã thành công trong việc ký kết cung cấp chè từ Đà Nẵng cho toàn Nam kỳ và Campuchia, nhất là các

cơ quan quân sự của bộ máy thuộc địa Đông Dương từ năm 1901 đến 1907<sup>3</sup>.

Khi cây chè trở thành sản phẩm chủ lực thì hầu hết nương rẫy trước đó trồng sắn, ngô, khoai tại vùng Tây bắc Hoà Vang đều được sử dụng để trồng chè. Để khai thác nguồn nguyên liệu, hương liệu quý này, người Pháp đã không ngần ngại mở các con đường lên các vùng đồi núi cao. Con đường thứ nhất từ làng Hồng Phước (thuộc phường Hoà Khánh Nam, quận Liên Chiểu) chạy thẳng đến chân núi Bà Nà, tạo ra sự liên thông giữa các giáo xứ An Nghĩa, Tùng Sơn, Phú Thượng; con đường thứ hai từ Tùng Sơn chạy xuyên qua Phú Thượng, đến làng Hoà Mỹ (nay thuộc phường Hoa Minh, quận Liên Chiểu). Đây là hai con đường vừa có ý nghĩa về quân sự, vừa có ý nghĩa về kinh tế. Việc mở ra hai con đường quan trọng này đã tạo nên sự thay đổi của vùng đất Phú Thượng nói riêng và tây bắc Hoà Vang nói chung, là con đường huyết mạch cho “chè Phú Thượng” tập kết về Cửa Hàn để vươn ra thế giới bên ngoài.

Cây chè Phú Thượng có vị thanh và đậm đà rất đặc trưng. Theo nhiều người am tường về chè tại Quảng Nam xưa, nhất là người địa phương thì: Mỗi sáng, trước khi ra đồng lao động, người dân ra vườn, chọn bẻ đôi ba cành chè lá úa hơi vàng, đem vào hơ lửa sơ qua, bẻ cụp lại bỏ vào nồi nấu chín. Hai mươi phút sau, thì có một bát nước chè thơm phức, sủi bọt nghi ngút, “uống vào mát bụng, đảm bảo chắc dạ không cần ăn mai"! Chè Phú Thượng khi đã được chế biến thành trà thì

---

<sup>3</sup> Hồ sơ tư liệu mang ký hiệu 245RSA/HC của Khâm sứ Trung kỳ. Tài liệu hiện lưu tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia II – thành phố Hồ Chí Minh.

có hương vị đặc biệt, được chia thành ba loại: chè non, chè già và chè xào. Đến mùa chè, phu chè toả ra đi hái khắp sườn đồi rồi đem về xào chè, sau đó nhập cho các nhà máy chè của Pháp để chế biến và đóng gói, xuất khẩu. Đến mùa thu hoạch, do khối lượng chè quá lớn, các nhà máy trong vùng phải hoạt động hết công suất và tận dụng trong các lò chè thủ công trong nhân dân hoặc đem xuống một nhà máy ở Đà Nẵng để chế biến.

Chè Phú Thượng trở thành thương hiệu nổi tiếng không chỉ ở Trung kỳ, cả nước mà còn được bán sang chính quốc Pháp và Châu Âu. Chính vì thế, nguồn lợi từ cây chè đem lại cho các tư sản Pháp chuyên kinh doanh mặt hàng này là rất lớn. Theo một văn bản qui định về thuế má đối với chè Phú Thượng tại Đà Nẵng thì được biết: "Cứ mỗi kilô chè xuất khẩu về nước Pháp, nhà cầm quyền thuộc địa đánh thuế 1,20 Frăng cho ngân sách cai trị thuộc địa". Vì lẽ đó, chẳng bao lâu sau, nhất là những năm đầu thế kỷ 20, chè của Phú Thượng được liệt vào các mặt hàng xuất khẩu chủ lực tại cảng Đà Nẵng cùng với bắp, than đá Nông Sơn...

Nhờ trồng và chế biến chè, người dân vùng tây bắc Hoà Vang trở nên khá khá. Tuy nhiên, căn cứ vào các mối quan hệ, vị trí canh tác, chất lượng đất trồng nên các làng Phú Thượng, Phú Trung, Phú Hạ cũng giàu, nghèo ở các mức độ khác nhau. Vin vào “Phú” (nghĩa là giàu), Thượng, Trung, Hạ (nghĩa là: cao, trung bình và thấp), người dân Phú Thượng xưa có nhiều câu ca khá độc đáo như:

*"Phú Thượng là giàu cấp trên*

*Đầu đội khăn nhiễu, nón viên tua ren"*



Còn với Phú Trung thì:

*"Phú Trung giàu có nửa chừng  
Uống nước núi Chúa, tắm sông Bà Nà".*

Riêng xóm Phú Hạ thì nghèo thấy rõ:

*"Ông bà không nghĩ, không suy  
Đặt tên Phú Hạ, dễ gì khá hơn".*

Tuy vậy, do ý đồ khai thác thuộc địa, vơ vét tài nguyên đưa về chính quốc, các tư bản Pháp đã tận dụng giá dân công rẻ mạt của dân ta nên phần lớn nguồn lợi từ “chè Phú Thượng” đều rơi vào tay bọn thực dân, còn dân nghèo chỉ là đối tượng của sự bị bóc lột, phục dịch trong các đồn điền cho chúng. Chính vì vậy, trong cách mạng tháng Tám năm 1945, các kho chè tại tây bắc Hoà Vang đều bị nhân dân ta nổi dậy đốt phá gần hết.

Xét cả một quá trình phát triển kinh tế của vùng đất Phú Thượng xưa thì chính nhờ “chè Phú Thượng”, trong thời Pháp thuộc, bộ mặt kinh tế của Phú Thượng nói riêng và tây bắc Hoà Vang được cải thiện hơn nhiều so với trước đó. Theo chúng tôi, từ kinh nghiệm “chè Phú thượng” vang bóng một thời, nên chăng Đà Nẵng nên xem xét, nghiên cứu tái lập lại thương hiệu “chè Phú Thượng” độc nhất vô nhị này./.

-----